

TRẠNG NGUYÊN TIẾNG VIỆT LỚP 2

Phần 1: Thành ngữ - tục ngữ

Em hãy điền vào chỗ trống sau

STT	Thành ngữ - tục ngữ
1	Có thì nên
2	Có công mài sắt có ngày nên
3	Thua keo này, bàykhác
4	Chớ thấy sóng cả mà ngã chèo
5	Kiến lâu cũng đầy tổ
6	Học thầy không tày học
7	Học biết mười
8	Học rộng tài
9	Học ăn, học, học gói, học mở
10	Đi một đàng, học một sàng khôn
11	Gần mực thì, gần đèn thì rạng
12	Tiên học lễ, hậu văn
13	Một chữ cũng là thầy, chữ cũng là thầy
14	Kính thầy yêu
15	Uống nhớ nguồn
16	Muốn biết phải, muốn giỏi phải học
17	Anh như thê tay chân
18	Anh thuận hòa là nhà có phúc
19	Chị ngã nâng

20	Môi hở lạnh
21	Con Rồng Tiên
22	Con hơn là nhà có phúc
23	Con có như nhà có nóc
24	Lên thác ghềnh
25	Một nắng sương
26	Mưa thuận hòa
27	Chuồn chuồn thấp thì mưa
28	Chậm như
29	Con trâu là đầu nghiệp
30	Hót khướu
31	Nhanh như
32	 như quạ
33	Nói như
34	Dữ như
35	Nhát nhưđế
36	Khỏe như
37	Chó treo đây
38	Rừng biển bạc
39	Đất chim đậu
40	Đói cho sạch, rách thơm
41	Lá lành đùm rách
42	Ổn nghĩa nặng
43	Một con ngựa, cả tàu bỏ cỏ
44	Kính trên nhường

45	Ở hiền gặp
46	Bầu ơi thương lấy bí cùng Tuy rằng khác giống nhưng một giàn.
47	Khôn ngoan đối đáp người ngoài Gà cùng một mẹ chớ hoài nhau.
48	Nhiều điều phủ lấy giá gương Người trong một phải thương nhau cùng.
49	Một cây làm chẳng nên Ba cây chụm lại nên hòn núi cao.
50	Chim có, người có tông Như cây có cội như sông có nguồn.

Phần 2: Những vần thơ em yêu

STT	Thơ – ca dao
1	Quê hương là chùm khế ngọt Cho con trèo hái mỗi ngày Quê hương là đường đi học Con về rợp bướm vàng bay. (Đỗ Trung Quân)
2	Ông là buổi trời chiều Cháu là ngày rạng sáng. (Phạm Cúc)
3	Lời ru có gió mùa thu Bàn tay mẹ quạt mẹ đưa gió về Những ngôi sao thức ngoài kia Chẳng bằng mẹ đã thức vì chúng con Đêm nay con ngủ giấc tròn Mẹ là ngọn gió của con suốt đời. (Trần Quốc Minh)
4	Làng tôi có lũy tre xanh Có sông Tô Lịch chảy quanh xóm làng. (Ca dao)
5	Trâu ơi, ta bảo trâu này Trâu ra ngoài ruộng trâu cày với ta Cấy cày vốn nghiệp nông gia Ta đây trâu đấy, ai mà quản công Bao giờ cây lúa còn bông Thời còn ngon cỏ ngoài đồng trâu ăn. (Ca dao)
6	Cây dừa xanh tỏa nhiều tàu Dang tay đón gió, gật đầu gọi trăng

	Thân dừa bạc phếch tháng năm Quả dừa - đàn lợn con nằm trên cao Đêm hè hoa nở cùng sao Tàu dừa - chiếc lược chải vào mây xanh Ai mang nước ngọt, nước lành Ai đoạ bao hũ rượu quanh cổ dừa Tiếng dừa làm dịu nắng trưa Gọi đàn gió đến cùng dừa múa reo Trời trong đầy tiếng rì rào Đàn cò đánh nhịp bay vào bay ra. (Trần Đăng Khoa)
7	Mắt hiền sáng tựa vì sao Bác nhìn đến tận Cà Mau cuối trời. (Thanh Hải)
8	Bác là non nước trời mây Việt Nam có Bác mỗi ngày đẹp hơn. (Lê Anh Xuân)
9	Đi đâu mà vội mà vàng Mà vấp phải đá mà quàng phải dây Thông thả như chúng em đây Chẳng đá nào vấp, chẳng dây nào quàng. (Ca dao)
10	Đèn khoe đèn tỏ hơn trăng Đèn ra trước gió còn chẳng hời đèn? Trăng khoe trăng tỏ hơn đèn Có sao trăng phải chịu luồn đám mây? (Ca dao)
11	Gió ở rất xa, rất rất xa Gió thích chơi thân với mọi nhà Gió cù khe khẽ anh mèo mướp Rủ đàn ong mật đến thăm hoa. (Ngô Văn Phú)

12	Năm gian lậu cỏ thấp le te Ngõ tối đêm sâu đóm lập lòe (Nguyễn Khuyến)
13	Công cha như núi Thái Sơn Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra Một lòng thờ mẹ, kính cha Cho tròn chữ hiếu mới là đạo con. (Ca dao)
15	Trong đầm gì đẹp bằng sen Lá xanh bông trắng lại chen nhị vàng Nhị vàng bông trắng lá xanh Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn. (Ca dao)
16	Trên trời mây trắng như bông Ở giữa cánh đồng bông trắng như mây. Nhưng cô má đỏ hây hây, Đội bông như thê đội mây về làng. (Ngô Văn Phú)
17	Đường vô xứ Nghệ quanh quanh Non xanh nước biếc như tranh họa đồ. (Ca dao)

Phần 3: Các cặp từ cùng nghĩa

1	ăn – xơi	26	thấp – lùn
2	té – ngã	27	mồm – miệng
3	mua – sắm	28	lạc – đậu phộng
4	xinh – đẹp	29	dưa leo – dưa chuột
5	to – lớn	30	mướp đắng – khổ qua
6	nhỏ – bé	31	cần cù – chăm chỉ
7	đỗ – đậu	32	gọn gàng – ngăn nắp
8	lợn – heo	33	trung thực – thật thà
9	mũ – nón	34	hiền lành – dịu dàng
10	bố – ba	35	dữ dằn – hung dữ
11	mẹ – má	36	xe hơi – ô tô
12	cúc – khuy	37	xe lửa – tàu hỏa
13	nhóm – tổ	38	vui tính – hài hước
14	ghi – chép	39	trẻ em – nhi đồng
15	trái – quả	40	sung sướng – hạnh phúc
16	thơm – dứa	41	đau khổ – bất hạnh
17	ngắm – nhìn	42	quả thơm – quả dứa

18	ngô – bắp
19	ô – dù
20	chén – bát
21	chiên – rán
22	kiếng – kính
23	đồng – ruộng
24	gôm – tẩy
25	chậm – trễ

43	nỗ lực – cố gắng
44	mong ngóng – chờ đợi
45	oi bức – nóng nực
46	ăn năn – hối hận
47	bác sĩ – thầy thuốc
48	bằng hữu – bạn bè
49	khai giảng – tựu trường
50	chỉ bảo – dạy dỗ

Phần 4: Các cặp từ trái nghĩa

1	trong	><	ngoài
2	cứng	><	mềm
3	dày	><	mỏng
4	dọc	><	ngang
5	dễ	><	khó
6	đắt	><	rẻ
7	đậm	><	nhạt
8	đóng	><	mở
9	đêm	><	ngày
10	đứng	><	ngồi
11	đục	><	trong
12	tốt	><	xấu
13	sống	><	chết
14	chín	><	xanh
15	có	><	không
16	cũ	><	mới
17	tươi	><	héo
18	vụng	><	khéo

26	ôm	><	khỏe
27	dài	><	ngắn
28	rộng	><	chật
29	mưa	><	nắng
30	ẩm	><	khô
31	cong	><	thẳng
32	lành	><	rách
33	xinh	><	xấu
34	may	><	rủi
35	nam	><	nữ
36	đầu	><	cuối
37	khen	><	chê
38	trắng	><	đen
39	nóng	><	lạnh
40	đói	><	no
41	vui	><	buồn
42	sương	><	khô
43	cao	><	thấp

19	giả	><	thật
20	trẻ	><	già
21	nhớ	><	quên
22	trước	><	sau
23	cho	><	nhận
24	xuôi	><	ngược
25	khóc	><	cười

44	béo	><	gầy
45	nhanh	><	chậm
46	hiền	><	dữ
47	yêu	><	ghét
48	thêm	><	bớt
49	chẵn	><	lẻ
50	chăm	><	lười

Phần 5: Nhóm từ cơ bản

Hãy gạch chân dưới một từ không thuộc nhóm:

Ví dụ:

Ngày, giờ, năm, khúc, mùa

1. Nhi đồng, trẻ em, tuổi trẻ, trẻ con, thiếu nhi
2. Thầy cô, bạn bè, lớp trưởng, phòng học
3. Học sinh, học trò, học bài, học viên
4. Cha mẹ, thầy cô, cô chú, anh chị
5. Nhân ái, nhân dân, đồng bào, quần chúng
6. Nhi đồng, trẻ trung, trẻ em, trẻ con
7. Thương nhân, doanh nhân, nguyên nhân
8. Trung úy, giáo viên, trung sĩ, đại tá
9. Sách vở, tủ lạnh, thước kẻ, bút chì
10. Ti vi, tủ lạnh, máy xúc, máy giặt
11. Cuộc, liềm, ghé, xẻng
12. Ô tô, xe máy, đường ray, xe đạp
13. Đàn bầu, đàn nhị, đàn tranh, đàn vịt
14. Chào mào, sáo sậu, mèo mun, chích bông
15. Vịt, ngan, ngỗng, chó
16. Cá heo, cá mập, cá sấu, cá thu
17. Cá chép, cá voi, cá quả, cá mè
18. Châu chấu, cào cào, bò câu, dế mèn
19. Sư tử, tê giác, mèo mướp, ngựa vằn
20. Mai, đào, cúc, bơ
21. Cà rốt, khoai tây, hồng xiêm, khoai lang
22. Na, nhãn, lúa, táo
23. Ngây thơ, hồn nhiên, giả nua, hiếu động

24. Kính mắt, kính trọng, kính yêu, kính mến
25. Chia rẽ, đoàn kết, gắn kết, gắn bó
26. Hòa nhạc, hòa bình, hòa ca, hòa tấu
27. Dạy dỗ, dạy bảo, giảng bài, giờ dạy
28. Tranh vẽ, tranh chấp, tranh cãi, tranh đấu
29. Vui vẻ, vui sướng, đau khổ, sung sướng
30. Tài năng, trọng tài, tài ba, tài giỏi
31. Xinh xắn, xinh đẹp, xinh tươi, tươi tốt
32. Vạm vỡ, lực lưỡng, yếu đuối, cường tráng
33. Gan dạ, dũng sĩ, dũng cảm, can đảm
34. Kiên trì, bền bỉ, nóng nảy, nhẫn nại
35. Cần cù, lười biếng, chăm chỉ, siêng năng
36. Nhân hậu, nhân viên, nhân từ, nhân ái
37. Trung thực, trung hậu, trung tâm, trung kiên
38. Công bằng, chim công, công tâm, công lí
39. Bao la, yên lặng, bát ngát, mênh mông
40. Chót vót, ngát ngây, chát ngát, vời vợi
41. Yên ắng, tĩnh lặng, ồn ào, yên tĩnh
42. Thanh bình, hòa bình, thái bình, bình hoa
43. Lạnh lẽo, buốt giá, lạnh nhạt, lạnh cồng
44. Vi vu, vù vù, tí tách, vi vút
45. Róc rách, rì rào, cọt két, rì rầm
46. Lích chích, lú lo, thánh thót, lộp độp
47. Mùa xuân, mùa vụ, mùa hạ, mùa đông
48. Thành phố, đô thị, nông thôn, thành thị
49. Giang sơn, đất nước, Tổ quốc, thung lũng
50. Lũ lụt, sóng thần, bão, sóng biển

Phần 6: Đố vui – vui đố

STT	Câu đố
1	Quả gì mọc tíu trên cao Mà sao đầy nước ngọt ngào bên trong. <i>Trả lời: quả....</i>
2	Cùng ngủ, cùng thức Hai bạn xinh xinh Nhìn rõ mọi thứ Nhưng không thấy mình. <i>Đố là cái gì?</i> <i>Trả lời:.....</i>
3	Tôi cũng có lưỡi Nhưng chẳng nói năng Xói lên mặt ruộng Những hàng thẳng băng. <i>Đố là cái gì?</i> <i>Trả lời:.....</i>
4	Mặt trời thức giấc phía tôi Thêm huyền là chốn cho người làm ăn. <i>Trả lời: Đó là các chữ.....</i>
5	Có huyền dạy dỗ học sinh Thêm sắc thì hóa mắt tinh sáng ngời. <i>Trả lời: Đó là các chữ.....</i>
6	Cá gì cô Tấm quý yêu Cơm vàng, cơm bạc sớm chiều cho ăn? <i>Trả lời:</i>

7	Hoa gì đỏ chói Nở vào mỗi năm Chẳng thi cũng đậu Khoa thi đỗ đầu? <i>Trả lời:</i>
8	Anh em phải đủ hai người Ngày ngày ba bữa cơm xoi béo mâm. Đó là cái gì? <i>Trả lời:</i>
9	Thân em nửa chuột nửa chim Tai thì rất thính, mắt tìm mỗi đêm. Là con gì? <i>Trả lời:</i>
10	Cây gì cho trái màu xanh Có dòng nước mát, ngọt lành, bổ thơm. Cùi trắng dịu màu như cơm Tôi mang kho thịt vừa thơm vừa bùi? <i>Trả lời:</i>

PHẦN 7: NHỮNG CÂU HỎI NHỎ

Câu 1: Từ nào dưới đây không cùng nghĩa với các từ còn lại?

- A. nhanh trí
- B. sáng dạ
- C. thông minh
- D. tốt bụng

Câu 2: Từ nào dưới đây có nghĩa là “gần gũi, thấm đượm tình cảm yêu thương thân thiết”?

- A. thân thương
- B. thân quen
- C. quen thuộc
- D. hiểu biết

Câu 3: Từ ngữ nào được dùng để miêu tả âm thanh của cánh diều khi gặp gió trong đoạn thơ sau?

*Cánh diều no gió
Tiếng nó trong ngân
Diều hay chiếc thuyền
Trôi trên sông Ngân.*

(Trích *Thả diều* - Trần Đăng Khoa)

- A. no gió
- B. trong ngân
- C. chiếc thuyền
- D. sông Ngân

Câu 4: Từ nào viết sai chính tả trong đoạn thơ sau?

*Quê hương là trùn khế ngọt
Cho con trèo hái mỗi ngày
Quê hương là đường đi học
Con về rợp bướm vàng bay.*

(Theo *Quê hương* – Đỗ Trung Quân)

A. trùm

C. trèo

B. cho

D. rọp

Câu 5: Từ nào là từ chỉ hoạt động trong câu sau?

“Người ta trồng ngô, khoai, sắn để lấy lương thực nuôi sống con người.”

A. trồng, lấy, nuôi

C. lương thực, con người

B. ngô, khoai, sắn

D. người ta, để, sống

Câu 6: Câu văn nào dưới đây của nhà văn Tô Hoài là câu nêu đặc điểm?

A. Chích bông là một con chim bé xinh đẹp trong thế giới loài chim.

B. Cặp mỏ chích bông bé tí tẹo bằng hai vỏ trấu chấp lại.

C. Cặp mỏ tí hon ấy gấp sâu trên lá nhanh thoăn thoắt.

D. Chích bông là bạn của trẻ em và bà con nông dân.

Câu 7: Câu văn nào dưới đây sử dụng sai dấu phẩy?

A. Ngay sát dưới chân đồi, con sông Vạn nước xanh ngắt chảy qua.

B. Bình minh tới, ánh sáng hồng lên, muôn vật thức dậy bắt đầu một ngày mới vui tươi và có ích.

C. Hoàng hôn mãi mê rong chơi, mãi đến chiều tối mới vội về nhà.

D. Hoàng hôn không biết thế nào là giọt sương long lanh, tiếng chim, hót véo von buổi sớm.

Đọc đoạn thơ sau và thực hiện các yêu cầu số 8, 9, 10

... Bên ruộng lúa xanh non
Những chị lúa phát phơ bím tóc
Những cậu tre bá vai nhau thì thầm đứng học
Đàn cò trắng
Khiêng nắng
Qua sông
Cô gió chặn mây trên đồng
Bác mặt trời đạp xe qua đỉnh núi
Cỏ vẻ vui tươi
Nhìn chúng em nhăn nhó cười...
(Trích *Em kể chuyện này*, Trần Đăng Khoa)

Câu 8: Gạch chân những từ chỉ sự vật có trong đoạn trích trên.

Câu 9: Nêu tên những sự vật có trong đoạn trích trên được tác giả gọi bằng từ chỉ người trong gia đình.

.....
.....
.....

Câu 10: Chọn từ thích hợp có trong đoạn trích để hoàn thành bảng sau:

Sự vật	Đặc điểm
ruộng lúa	
lúa	
tre	
mặt trời	